

*Phụ lục kèm theo quyết định số 354/QĐ-ĐHKTYDDN \_chương trình chung*

**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y - DƯỢC ĐÀ NẴNG**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

*Đà Nẵng, năm 2024*

BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT Y - DƯỢC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

### NGÀNH ĐẠI HỌC KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

(Ban hành theo Quyết định số ...../QĐ-ĐHKTYDDN ngày .... tháng ..... năm .....  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng)

#### I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 1. Giới thiệu chương trình đào tạo

CTĐT trình độ cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực lao động của xã hội theo trình độ và chuyên ngành đào tạo; đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân và đóng góp có hiệu quả cho sự nghiệp y tế và góp phần nâng cao nền y dược học Việt Nam. CTĐT đảm bảo yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị phụ trách chuyên môn của CTĐT là Bộ môn Phục hồi chức năng-Vật lý trị liệu.

Từ năm 2013 – Trường chính thức trở thành Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng. Hiện nay Bộ môn PHCN-VLTL đã đào tạo được 2 khóa tốt nghiệp ra trường và đang đào tạo 4 khóa đại học chính quy. Từ khi bắt đầu đào tạo phục hồi chức năng bậc đại học, Bộ môn PHCN-VLTL không ngừng xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

##### 2. Thông tin chung chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (Name of Program)	Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Rehabilitation Technology)
2. Trình độ đào tạo (Level)	Đại học (Undergraduate)
3. Mã ngành đào tạo (Code)	Ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng: 7720603
4. Đối tượng tuyển sinh (Enrolment)	Công dân tốt nghiệp THPT và đạt tiêu chuẩn tuyển sinh đầu vào theo quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng (as Enrolment criteria of school).
5. Thời gian đào tạo (Duration)	4 năm cho SV chính quy (4 years, official students) 4 năm 10 tháng cho SV vừa học vừa làm (4 years and 10 months, part-time students)
6. Cơ sở đào tạo (Institute)	Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng

	(Danang University of Medical Technology and Pharmacy)
7. Loại hình đào tạo (Type)	Chính quy/vừa học vừa làm (Official/Part-time)
8. Ngôn ngữ đào tạo (Language)	Tiếng Việt (Vietnamese)
9. Tổng số tín chỉ (Credits)	135 tín chỉ (credits) (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)
10. Chức danh khi tốt nghiệp (Degree)	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Bachelor of Rehabilitation Technology)
11. Thời điểm ban hành	2014
12. Thời điểm cải tiến, chỉnh sửa	2015, 2018, 2020, 2022, 2024

### 3. Mục tiêu chương trình đào tạo MtCt (Program Education Objectives-POb)

#### 3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và ý thức tuân thủ pháp luật; có kiến thức khoa học cơ sở, y học lâm sàng vững chắc để phân tích cơ sở khoa học của các phương pháp can thiệp; sở hữu kỹ năng thực hành nghề nghiệp an toàn, cá nhân hóa dựa trên y học thực chứng, cùng năng lực làm việc nhóm liên ngành và giao tiếp hiệu quả ; có khả năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ số và tự chủ học tập suốt đời nhằm bảo vệ an toàn, quyền lợi của người bệnh và đóng góp tích cực vào công tác chăm sóc sức khỏe toàn diện.

#### 3.2. Mục tiêu cụ thể

MtCt1: Trang bị cho người học khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và pháp luật vào thực tiễn môi trường hành nghề y tế; phân tích và đối chiếu được sự biến đổi về cấu trúc giải phẫu, chức năng sinh lý bình thường và bệnh lý làm cơ sở cho phục hồi chức năng; đồng thời biện luận được cơ sở khoa học, chỉ định/chống chỉ định của các nguyên lý, công cụ lượng giá và kỹ thuật can thiệp chuyên ngành.

MtCt2: Huấn luyện người học năng lực thiết lập và thực hiện kế hoạch lượng giá, can thiệp phục hồi chức năng an toàn, cá nhân hóa và được điều chỉnh liên tục dựa trên y học thực chứng ; có khả năng tổ chức tư vấn, giáo dục sức khỏe và giao tiếp phù hợp với tâm lý, văn hóa của người bệnh ; biết cách điều phối, làm việc hiệu quả trong nhóm liên ngành theo hệ thống Phân loại Quốc tế (ICF) ; và khai thác được tài liệu ngoại ngữ, công nghệ số, dữ liệu khoa học để nghiên cứu, cải tiến thực hành lâm sàng.

MtCt3: Hình thành cho người học ý thức tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật y tế, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thể hiện sự trung thực, minh bạch và bảo mật tuyệt đối thông

tin người bệnh ; cam kết đặt nhu cầu của người bệnh làm trung tâm, tôn trọng sự đa dạng tín ngưỡng, văn hóa cá nhân ; và luôn duy trì sự an toàn tối đa cho bản thân, người bệnh cùng môi trường xung quanh trong mọi quyết định chăm sóc.

#### 4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program learning outcome - PLO)

Khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng của Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng, sinh viên tốt nghiệp có các năng lực sau (chuẩn đầu ra được phân chia theo các mức Kiến thức, Kỹ năng, Năng lực tự chủ và trách nhiệm kèm theo):

##### 4.1. Chuẩn đầu ra

TT	CHUẨN ĐẦU RA	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
1	<b>CĐR1:</b> Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, pháp luật và xã hội vào thực tiễn học tập, hành nghề và đời sống.	<p><b>Tiêu chí 1:</b> Áp dụng kiến thức xã hội và chính sách pháp luật của Nhà nước vào bối cảnh thực tiễn ngành Y tế và Phục hồi chức năng.</p> <p><b>Tiêu chí 2:</b> Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên vào quá trình lý luận và thực hành chuyên môn Phục hồi chức năng.</p> <p><b>Tiêu chí 3:</b> Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ, quy định, đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật.</p> <p><b>Tiêu chí 4:</b> Sử dụng hệ thống quy phạm pháp luật và các kiến thức khoa học xã hội vào môi trường hành nghề Y - Dược và chăm sóc người bệnh.</p>
2	<b>CĐR2:</b> Phân tích sự biến đổi về cấu trúc, chức năng cơ thể và sinh lý bệnh học làm cơ sở cho phục hồi chức năng.	<p><b>Tiêu chí 1:</b> Đối chiếu cấu trúc giải phẫu và chức năng sinh lý bình thường của các hệ cơ quan trong cơ thể người để tìm ra sự bất thường.</p> <p><b>Tiêu chí 2:</b> Phân biệt các dấu hiệu lâm sàng của các tình trạng bệnh lý/khuyết tật thường gặp trên lâm sàng.</p> <p><b>Tiêu chí 3:</b> Phân tích cơ chế bệnh sinh và sự biến đổi, khiếm khuyết về cấu trúc và chức năng cơ thể trong các ca lâm sàng cụ thể.</p>
3	<b>CĐR3:</b> Phân tích cơ sở khoa học của các nguyên lý, công cụ lượng giá và kỹ thuật can thiệp chuyên ngành.	<p><b>Tiêu chí 1:</b> Phân tích nguyên lý hoạt động và giá trị của các công cụ lượng giá chuyên ngành trong từng trường hợp bệnh lý.</p> <p><b>Tiêu chí 2:</b> Biện luận chỉ định, chống chỉ định và cơ chế tác dụng của các kỹ thuật/phương pháp can thiệp Phục hồi chức năng dựa trên hồ sơ bệnh án.</p>

		<b>Tiêu chí 3:</b> Kiểm tra sự phù hợp của các phương pháp lượng giá và can thiệp dựa trên các bằng chứng y học hiện hành.
4	<b>CDR4:</b> Thiết lập kế hoạch lượng giá và can thiệp Phục hồi chức năng an toàn, cá nhân hóa dựa trên y học thực chứng.	<p><b>Tiêu chí 1:</b> Xây dựng quy trình thu thập thông tin và lượng giá lâm sàng bằng các công cụ chuẩn hóa cho từng cá nhân người bệnh.</p> <p><b>Tiêu chí 2:</b> Chẩn đoán các khiếm khuyết chức năng, giới hạn hoạt động và rào cản tham gia dựa trên phân tích dữ liệu lượng giá.</p> <p><b>Tiêu chí 3:</b> Thiết lập mục tiêu và chương trình can thiệp an toàn, cá nhân hóa dưới sự đồng thuận của người bệnh.</p> <p><b>Tiêu chí 4:</b> Điều chỉnh kế hoạch điều trị kịp thời thông qua việc đánh giá lại liên tục các đáp ứng của người bệnh đối với can thiệp.</p>
5	<b>CDR5:</b> Tổ chức các hoạt động tư vấn, giao tiếp và giáo dục sức khỏe phù hợp với đặc điểm của người bệnh và cộng đồng.	<p><b>Tiêu chí 1:</b> Thực hành kỹ năng giao tiếp bằng lời và không lời phù hợp với văn hóa, tâm lý của người bệnh và gia đình.</p> <p><b>Tiêu chí 2:</b> Tổ chức các buổi tư vấn, giáo dục sức khỏe nhằm hướng dẫn cộng đồng kỹ năng tự quản lý và phòng ngừa khuyết tật.</p> <p><b>Tiêu chí 3:</b> Thiết lập hệ thống hồ sơ bệnh án, ghi chép và lưu trữ thông tin lâm sàng chính xác, minh bạch.</p>
6	<b>CDR6:</b> Điều phối các nguồn lực và hoạt động nhóm liên ngành trong quá trình quản lý, chăm sóc người bệnh.	<p><b>Tiêu chí 1:</b> Thiết lập vai trò, giới hạn chuyên môn của bản thân và các thành viên khác trong nhóm đa ngành.</p> <p><b>Tiêu chí 2:</b> Điều hành tiến trình làm việc nhóm liên ngành hiệu quả dựa trên hệ thống Phân loại Quốc tế về Chức năng, Khuyết tật và Sức khỏe (ICF).</p> <p><b>Tiêu chí 3:</b> Điều phối việc chuyển tuyến, giới thiệu người bệnh đến các dịch vụ y tế và chuyên gia khác khi cần thiết.</p>
7	<b>CDR7:</b> Phân tích dữ liệu khoa học, tài liệu ngoại ngữ và công nghệ số để cập nhật kiến thức, cải tiến thực hành lâm sàng.	<p><b>Tiêu chí 1:</b> Khai thác các tài liệu y học ngoại ngữ và dữ liệu công nghệ thông tin để phục vụ cập nhật kiến thức chuyên môn.</p> <p><b>Tiêu chí 2:</b> Phân tích các bài báo khoa học và bằng chứng y học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.</p>

		<b>Tiêu chí 3:</b> Tiến hành các quy trình nghiên cứu khoa học cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Phục hồi chức năng.
8	<b>CDR8:</b> Tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy cơ sở y tế và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.	<p><b>Tiêu chí 1:</b> Tuân thủ các quy định pháp luật y tế, quy chế nội bộ và hành nghề đúng phạm vi chuyên môn được cấp phép.</p> <p><b>Tiêu chí 2:</b> Chấp hành quy tắc bảo mật tuyệt đối thông tin cá nhân và hồ sơ y tế của người bệnh.</p> <p><b>Tiêu chí 3:</b> Thể hiện tính trung thực, trách nhiệm và minh bạch trong các quyết định lâm sàng và thu phí dịch vụ.</p>
9	<b>CDR9:</b> Cam kết bảo vệ sự an toàn, quyền lợi của người bệnh và tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong môi trường hành nghề.	<p><b>Tiêu chí 1:</b> Tôn trọng các giá trị tín ngưỡng, văn hóa và sự đa dạng cá nhân của người bệnh, không phân biệt đối xử.</p> <p><b>Tiêu chí 2:</b> Duy trì sự an toàn tối đa cho bản thân, người bệnh và môi trường xung quanh trong quá trình can thiệp.</p> <p><b>Tiêu chí 3:</b> Cam kết đặt nhu cầu của người bệnh làm trung tâm để bảo vệ lợi ích tốt nhất của họ trong mọi hoạt động chăm sóc.</p>

**\* Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học**

**- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ:**

+ Chứng chỉ Tiếng Anh tối thiểu bậc 3 - theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

+ Các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương:

TT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu
1	Tiếng Anh	- B1 (CEFR) - TOEIC (4 kỹ năng): Nghe và Đọc (450 - 595), Nói (100 - 120), Viết (90 - 120) - IELTS 4.5 - 5.0 - TOEFL ITP 450 - 499 - TOEFL iBT 31 - 45 - Linguaskill/B1 Business Preliminary/B1 Preliminary (PET) 140 – 159
2	Tiếng Nhật	- JLPT cấp độ N4
3	Tiếng Đức	- Goethe-Zertifikat B1 - Deutsches Sprachdiplom (DSD) B1

TT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu
		- Zertifikat B1
4	Tiếng Pháp	- DELF B1 - TCF B1 (300 - 399 điểm)
5	Tiếng Nga	- TORFL cấp độ 1
6	Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 3 - TOCFL cấp độ 3
7	Tiếng Hàn Quốc	- TOPIK cấp độ 3

**- Chuẩn đầu ra tin học:**

Sinh viên phải có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản phù hợp với chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

**4.2. Mối liên hệ của chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình**

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mục tiêu chương trình		
	MtCt1	MtCt2	MtCt3
CĐR1	1	0	0
CĐR 2	1	0	0
CĐR 3	1	0	0
CĐR 4	0	1	0
CĐR 5	0	1	0
CĐR 6	0	1	0
CĐR 7	0	1	0
CĐR 8	0	0	1
CĐR 9	0	0	1

Diễn giải: \* 0: không có liên hệ

1: có liên hệ

**4.3. Đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của chương trình đào tạo so với yêu cầu CĐR trong khung trình độ quốc gia**

<b>Khung trình độ quốc gia</b>		<b>Chuẩn đầu ra của CTĐT</b>
<b>Kiến thức</b>	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	2,3
	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	1
	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	7
	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	4,5
	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	6
<b>Kỹ năng</b>	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp	4,7
	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	5,6
	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	3,4
	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	4,6
	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	5
	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	7
<b>Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm</b>	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	6,8
	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	5,9
	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	3,4,8

Khung trình độ quốc gia		Chuẩn đầu ra của CTĐT
	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	4,6

**4.4. Đánh giá sự đáp ứng của chuẩn đầu ra đối với tầm nhìn, sứ mạng và nhu cầu của nhà sử dụng lao động**

Chuẩn đầu ra CTĐT	Sứ mạng, tầm nhìn	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
CĐR 1	✓	✓
CĐR 2	✓	✓
CĐR 3	✓	✓
CĐR 4	✓	✓
CĐR 5	✓	✓
CĐR 6	✓	✓
CĐR 7	✓	✓
CĐR 8	✓	✓
CĐR 9	✓	✓

Diễn giải: ✓ - có đáp ứng

**4.5. Phân cấp trình độ năng lực**

Phân cấp này để áp dụng cho công tác lượng giá, đánh giá kết quả học tập (ma trận đề thi) và các hạng mục khác liên quan.

Trình độ năng lực		Mức độ chi tiết	
Mức	Diễn giải		
1	Nhớ	KT	Nêu lại nội dung kiến thức
		KN	Làm theo hướng dẫn, lập lại đơn giản
		TC	Có tiếp nhận, có biết biểu hiện thái độ là đúng/sai
2	Hiểu	KT	Nhận xét đúng sai, phù hợp nguyên lý nguyên tắc
		KN	Tự thực hiện thao tác (lập lại đúng theo hướng dẫn)

Trình độ năng lực		Mức độ chi tiết			
Mức	Diễn giải				
		TC	Phản hồi phù hợp trước biểu hiện đúng/sai		
3	Vận dụng	3.1. <i>Áp dụng</i>	KT	Áp dụng nguyên lý để giải quyết vấn đề đơn giản	
			KN	Thực hiện thành thạo (đúng, nhanh) kỹ thuật	
			TC	Đánh giá ý nghĩa của cách hành xử, thái độ	
		3.2. <i>Phân tích, Tổng hợp</i>	KT	Phân tích, tổng hợp kiến thức	
			KN	Thực hiện thành thạo chuỗi kỹ thuật theo quy trình, và linh hoạt trong sắp xếp tổ chức thực hiện	
			TC	Bắt đầu tự giác trong hành động	
		3.3. <i>Đánh giá, giải quyết vấn đề hiện hữu</i>	KT	Dựa trên KT đã có để tạo ra sản phẩm thông tin, kiến thức mới	
			KN	Thực hiện thuần thục, tự nhiên các quy trình, tự phòng tránh được lỗi phát sinh có thể	
			3.4. <i>Sáng tạo</i>	TC	Rèn luyện thành phong cách riêng (nội tâm hóa)

\* KT: Kiến thức, KN: Kỹ năng, TC: Năng lực tự chủ và trách nhiệm

## 5. Cơ hội việc làm và học tập sau tốt nghiệp

### 5.1. Cơ hội việc làm

+ Chuyên viên Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập;

+ Nhân viên chăm sóc tại các câu lạc bộ thể thao, phòng tập luyện thể thao

+ Giảng viên tại các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe;

+ Chuyên viên tại các cơ sở quản lý nhà nước về y tế.

### 5.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ:

+ Thạc sĩ, Tiến sĩ KT Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu – Ngôn ngữ trị liệu.

+ Kỹ thuật viên chuyên khoa cấp I - Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

## 6. Điều kiện tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

### 6.1. Điều kiện tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đáp ứng đúng và đủ tiêu chuẩn, tiêu chí của đề án tuyển sinh mà Nhà trường ban hành. Cụ thể, trong giai đoạn hiện tại, bao gồm các phương thức: Đăng ký dự tuyển bằng phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; xét học bạ THPT; xét thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học; xét tuyển thẳng; xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế cho 4 tổ hợp xét tuyển là B00 (Toán,

Hóa học, Sinh học), B08 (Toán, Sinh học, Tiếng Anh), A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) và D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh). Học sinh có đăng ký nguyện vọng vào ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng, và đảm bảo đạt cao hơn hoặc bằng ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng của Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng. Các trường hợp đặc cách (tuyển thẳng, hoàn thành chương trình dự bị đại học) được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được phê duyệt theo quyết định của Hiệu trưởng.

## 6.2. Quá trình đào tạo

Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Cụ thể là theo Quyết định số 252/QĐ-ĐHKTYĐĐN ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

## 6.3. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường.

## 7. Phương pháp giảng dạy - học tập

Khoa/Bộ môn Phục hồi chức năng đã xây dựng và triển khai nhiều tổ hợp các phương pháp giảng dạy - học tập (gọi tắt là *Phương pháp dạy - học*) khác nhau nhằm giúp SV được trang bị tốt nền tảng kiến thức mà còn có thể áp dụng vào môi trường làm việc chuyên môn thực tế cũng như được trang bị tốt các kỹ năng mềm trong quá trình tương tác làm việc với người khác nhằm đạt được kết quả tốt cho công việc được giao và phát triển năng lực bản thân.

Các tổ hợp phương pháp dạy - học đã được sử dụng trong chương trình đào tạo theo Bảng ma trận mô tả sự đóng góp của các phương pháp dạy-học vào chuẩn đầu ra chương trình:

### ***Ma trận mô tả sự đóng góp vào xây dựng hình thành các phương pháp dạy-học vào chuẩn đầu ra chương trình Kỹ thuật Phục hồi chức***

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>1. Dạy trực tiếp</b>									
1.1. Giải thích cụ thể	1	1	1	0	0	0	0	1	0
1.2. Thuyết giảng	1	1	1	0	0	0	0	1	0
1.3. Tham luận	1	0	1	0	0	0	1	0	0
<b>2. Dạy gián tiếp</b>									
2.1. Câu hỏi gợi mở	0	1	1	1	0	0	0	0	0
2.2. Nghiên cứu tình huống case study	1	1	1	1	1	1	1	1	1

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>3. Dạy học qua trải nghiệm</b>									
3.1. Dạy học bằng mô hình	0	1	1	1	0	0	0	0	1
3.2. Thực hành phòng lab	0	1	1	1	1	1	0	1	1
3.3. Thực tập, thực tế bệnh viện	1	1	1	1	1	1	0	1	1
3.4. Ngoại khóa	1	0	0	0	1	1	0	1	1
<b>4. Dạy học tương tác</b>									
4.1. Học nhóm	0	0	1	1	1	1	1	1	0
4.2. Thuyết trình, thảo luận, tranh luận	1	1	1	1	1	1	1	1	0
<b>5. Tự học</b>									
5.1. Bài tập về nhà	1	1	1	1	0	0	1	0	0
5.2. Học trực tuyến E-learning	1	1	1	0	0	0	1	1	0

Diễn giải: \* 0: không có đóng góp

1: có đóng góp

## 8. Phương thức đánh giá học tập

Đánh giá kết quả học tập là một khâu quan trọng trong quá trình dạy – học. Mục đích là đánh giá sự tiến bộ của SV trong quá trình học tập để có biện pháp kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy – học để hỗ trợ SV bị chậm tiến (đánh giá quá trình) và đánh giá SV đã hoàn thành các yêu cầu của học phần đề ra hay chưa (đánh giá cuối kỳ) để xác định SV có hoàn thành khối lượng học tập của học phần hay không và xếp loại mức độ hoàn thành của SV, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành cả khóa học.

Đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, phân hóa rõ trình độ, có tính thường xuyên liên tục và được xác định kỳ hạn rõ.

### 8.1. Các phương pháp đánh giá

Căn cứ trên quy định của Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục, Bộ môn Phục hồi chức năng đã thực hiện nhiều phương pháp đánh giá học tập khác nhau, phối hợp để đạt được hiệu quả tốt nhất có thể.

Có nhiều kiểu phân loại các phương pháp đánh giá trong giáo dục, tùy theo góc độ xem xét và xác định mục tiêu phân loại. (Nội dung chi tiết được trình bày trong phụ lục 4).

1. **Đánh giá chuyên cần** là phương pháp đánh giá thái độ học tập, ý thức kỷ luật, sự chuyên cần và mức độ tham gia tích cực của sinh viên vào các hoạt động học tập trên lớp hoặc trong môi trường lâm sàng. Giảng viên theo dõi thông qua việc điểm danh định kỳ, ghi nhận số lần phát biểu, tương tác xây dựng bài, hoặc kiểm tra mức độ tuân thủ nội quy khi đi thực tập lâm sàng. Chiếm tỷ trọng 10% của điểm quá trình. Đánh giá dựa trên tỷ lệ phần trăm thời lượng tham gia và kết hợp chấm điểm thái độ (chủ động, hợp tác, tuân thủ).

2. **Trắc nghiệm khách quan** thường sử dụng phổ biến, được áp dụng cho các bài kiểm tra giữa kỳ (đánh giá quá trình) và kiểm tra cuối học phần (đánh giá kết thúc). SV được yêu cầu hoàn thành các bài kiểm tra trắc nghiệm, với các dạng câu hỏi của trắc nghiệm khách quan – objective test (đã nêu ở trên). Các học phần sử dụng phương pháp đánh giá này đều phải xây dựng ngân hàng câu hỏi, và được Hội đồng thẩm định thông qua.

3. **Kiểm tra viết/tự luận** là phương pháp đánh giá khả năng tư duy phân tích, tổng hợp thông tin, logic vấn đề và kỹ năng diễn đạt, lập luận chuyên môn của sinh viên. Đề thi bao gồm các câu hỏi mở, phân tích cơ chế bệnh sinh hoặc giải quyết một tình huống giả định (case study) trên giấy. Giảng viên chấm bài dựa trên Đáp án chuẩn (Bareme điểm) được chia nhỏ đến từng 0.25 điểm hoặc sử dụng Rubric tự luận.

4. **Bài tập nhóm, có thuyết trình/báo cáo văn bản** là phương pháp đánh giá năng lực làm việc nhóm liên ngành, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, giải quyết vấn đề và năng lực giao tiếp, truyền đạt thông tin (trực tiếp và bằng văn bản). Lớp được chia thành các nhóm nhỏ (4-6 sinh viên). Giảng viên giao một chủ đề (ví dụ: lập kế hoạch can thiệp cho một ca lâm sàng phức tạp). Các nhóm làm việc độc lập, nộp báo cáo văn bản và tiến hành bảo vệ/thuyết trình trước giảng viên và tập thể lớp. Điểm được chấm căn cứ vào kết quả bài tập, theo rubrics đã xây dựng. Kết quả bao gồm các hình thức như bài thuyết trình trước lớp (file trình bày và quá trình trình bày), hoặc bản báo cáo của nhóm (bản in hoặc bản mềm).

5. **Chăm thực hành theo bảng kiểm** là phương pháp đo lường trực tiếp năng lực thực hiện các thao tác tay nghề, kỹ thuật lượng giá và can thiệp chuyên môn đảm bảo đúng quy trình và an toàn. Thường áp dụng cho đánh giá quá trình cho các học phần có nội dung thực hành ở lab. Các kỹ thuật thực hành được xây dựng quy chuẩn thành các bảng kiểm, thang điểm. SV thực hiện theo quá trình và GV chấm điểm từng bước. Điểm cuối cùng là điểm của cả quá trình.

6. **Kiểm tra vấn đáp** là phương pháp đánh giá khả năng phản xạ, tư duy phản biện, xử lý tình huống nhanh và năng lực biện luận y khoa trực tiếp. Thường diễn ra vào cuối đợt luân khoa lâm sàng hoặc cuối học phần thực hành. Sinh viên bốc thăm câu hỏi, làm bệnh án, hoặc đối thoại trực tiếp với giảng viên về một vấn đề chuyên môn. Sử dụng Rubric vấn đáp đánh giá dựa trên tính chính xác của kiến thức, mức độ sâu sắc trong biện luận và phong thái tự tin.

7. **Chăm điểm cho công việc được giao** là phương pháp đánh giá năng lực tự học, khả năng tổng hợp - chọn lọc thông tin y khoa, kỹ năng thiết kế và truyền đạt kiến thức của sinh viên thông qua các sản phẩm thực tế được giao. Phương pháp này bao gồm việc hoàn thiện các hồ sơ chuyên môn (bệnh án, sổ tay lâm sàng - logbook) và thực hiện các dự án học tập quy mô nhỏ như thiết kế Poster học thuật, tờ rơi (Handout) giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng. Giảng viên giao nhiệm vụ định kỳ mang tính ứng dụng cao (cho cá nhân hoặc nhóm). Điểm số được đánh giá dựa trên một Rubric sản phẩm dự án (Product Rubric) được thiết kế sẵn.

8. **Khoá luận tốt nghiệp/chuyên đề tốt nghiệp** là phương pháp đánh giá tổng hợp và toàn diện nhất, đo lường năng lực nghiên cứu khoa học, phân tích dữ liệu, giải quyết vấn đề thực tiễn và năng lực tự chủ ở bậc cao nhất trước khi tốt nghiệp. Sinh viên được giao (hoặc tự đề xuất) một đề tài nghiên cứu, làm việc độc lập dưới sự giám sát của giảng viên hướng dẫn trong một học kỳ. Kết quả là một cuốn báo cáo khoa học hoàn chỉnh và một buổi bảo vệ công khai. Sản phẩm – luận văn tốt nghiệp được chấm bởi 1 Hội đồng theo quy định hiện hành của nhà trường.)

**Bảng ma trận mô tả sự đóng góp phương pháp lượng giá vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

<b>Phương pháp lượng giá</b>	<b>Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)</b>
------------------------------	--

	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đánh giá chuyên cần	0	0	0	0	0	0	0	1	0
Trắc nghiệm khách quan	1	1	1	0	0	0	0	0	0
Kiểm tra viết/tự luận	1	1	1	1	0	0	1	0	0
Bài tập nhóm, có thuyết trình/báo cáo văn bản	1	1	1	0	1	1	1	0	0
Chăm thực hành theo bảng kiểm	0	1	1	1	1	0	0	1	1
Kiểm tra vấn đáp	0	1	1	1	1	1	1	0	0
Chăm điểm cho công việc được giao	0	0	0	1	1	1	0	1	1
Khóa luận tốt nghiệp/chuyên đề tốt nghiệp	0	1	1	1	0	0	1	1	0

Diễn giải: \* 0: không có đóng góp

1: có đóng góp

## 8.2. Cách tính điểm đánh giá học tập

### 8.2.1. Đối với học phần chỉ có lý thuyết

a) Điểm học phần là tổng điểm của điểm chuyên cần, thái độ (CCTĐ), điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Công thức tính điểm học phần đối với học phần chỉ có lý thuyết

Điểm học phần = Điểm CCTĐ x 10% + Điểm KTTX x 40% + Điểm thi KTHP x 50%.

Trong đó:

- Điểm CCTĐ là 1 cột điểm duy nhất với cách thức đánh giá được quy định tại Điều 5 của QĐ18-ĐHKTYĐĐN ngày 05/1/2024.

- Điểm KTTX bằng trung bình cộng các bài kiểm tra thường xuyên. Số lượng bài kiểm tra thường xuyên bằng số tín chỉ (01 tín chỉ có 01 bài kiểm tra).

- Điểm thi KTHP có thể là điểm thi của 01 bài tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, viết tiểu luận, chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Người học phải đạt điểm học phần  $\geq 4.0$  và điểm thi KTHP  $\geq 2.0$  (theo thang điểm 10) mới được công nhận Đạt học phần đó.

### 8.2.2. Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Điểm học phần là tổng điểm của điểm chuyên cần, thái độ (CCTĐ), điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) phần lý thuyết nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

#### 8.2.2.1. Học phần có lý thuyết + thực hành tại Trường

Điểm học phần = Điểm CCTĐ x 10% + Điểm KTTX phần lý thuyết x 20% + Điểm KTTX phần thực hành x 40% + Điểm thi KTHP phần lý thuyết x 30%.

#### 8.2.2.2. Học phần có cả lý thuyết + thực tập tại bệnh viện

Điểm học phần = Điểm CCTĐ x 10% + Điểm KTTX phần lý thuyết x 20% + Điểm KTTX phần thực tập x 40% + Điểm thi KTHP phần lý thuyết x 30%.

#### 8.2.2.3. Học phần có cả lý thuyết + thực hành tại trường + thực tập tại bệnh viện

Điểm học phần = Điểm CCTĐ x 10% + Điểm KTTX phần lý thuyết x 20% + [(Điểm KTTX phần thực hành + Điểm KTTX phần thực tập x 2)/3] x 40% + Điểm thi KTHP phần lý thuyết x 30%.

Trong đó, các khái niệm tại mục 8.2.2.1, 8.2.2.2, 8.2.2.3 được giải thích như sau:

- Điểm CCTĐ là 01 cột điểm duy nhất với cách thức đánh giá được quy định tại Điều 5 của QĐ18-ĐHKTYDDN ngày 05/1/2024.

- Điểm KTTX phân lý thuyết bằng trung bình cộng các bài kiểm tra lý thuyết. Số lượng bài kiểm tra thường xuyên bằng số tín chỉ (01 tín chỉ có 01 bài kiểm tra).

- Điểm KTTX phân thực hành tại Trường hoặc thực tập tại bệnh viện. Một tín chỉ thực hành tại Trường có ít nhất 01 bài kiểm tra thường xuyên. Phần thực tập tại bệnh viện có ít nhất 01 bài kiểm tra thường xuyên.

- Người học phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành, thực tập và điểm trung bình cộng các bài thực hành, thực tập phải đạt từ 5.0 điểm trở lên mới được thi KTHP lý thuyết.

- Điểm thi KTHP có thể là điểm thi của 01 bài tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, viết tiểu luận, chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Người học phải đạt điểm học phần  $\geq 4.0$  và điểm thi KTHP  $\geq 2.0$  (theo thang điểm 10) mới được công nhận Đạt học phần đó.

### **8.2.3. Đối với học phần chỉ có thực hành tại trường**

a) Điểm học phần là tổng điểm của điểm chuyên cần, thái độ (CCTĐ), điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Công thức tính điểm học phần:

$$\text{Điểm học phần} = \text{Điểm CCTĐ} \times 10\% + \text{Điểm KTTX} \times 40\% + \text{Điểm thi KTHP} \times 50\%.$$

*Trong đó:*

- Điểm chuyên cần, thái độ là 01 cột điểm duy nhất do giảng viên tham gia giảng dạy học phần đánh giá dựa vào ý thức học tập chuyên cần và thái độ của người học trong suốt thời gian học học phần đó. Phương pháp đánh giá chuyên cần, thái độ phải được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần bản mô tả học phần và được hiệu trưởng phê duyệt.

- Điểm KTTX thực hành tại Trường bằng trung bình cộng các bài kiểm tra thực hành. Một tín chỉ thực hành tại trường có ít nhất 01 bài kiểm tra thường xuyên. Người học phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành và điểm trung bình cộng các bài kiểm tra thực hành phải đạt từ 5.0 điểm trở lên mới được thi kết thúc học phần thực hành.

- Điểm thi KTHP là điểm thi thực hành. Hình thức thi KTHP thực hành tại Trường được thực hiện theo Phụ lục 1 của QĐ18-ĐHKTYDDN ngày 05/1/2024. Người học phải đạt điểm thi KTHP  $\geq 5.0$  (theo thang điểm 10) mới được công nhận Đạt học phần đó.

### **8.2.4. Đối với học phần chỉ có thực tập tại bệnh viện/thực tập cộng đồng**

a) Điểm học phần là tổng điểm của điểm chuyên cần, thái độ (CCTĐ) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Công thức tính điểm học phần:

$$\text{Điểm học phần} = \text{Điểm CCTĐ} \times 10\% + \text{Điểm thi KTHP thực tập} \times 90\%.$$

*Trong đó:*

- Điểm chuyên cần, thái độ là 01 cột điểm duy nhất do giảng viên tham gia giảng dạy học phần đánh giá dựa vào ý thức học tập chuyên cần và thái độ của người học trong suốt thời gian học học phần đó. Phương pháp đánh giá chuyên cần, thái độ phải được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần bản mô tả học phần và được hiệu trưởng phê duyệt.

*Phụ lục kèm theo quyết định số 354/QĐ-ĐHKTYDDN \_chương trình chung*

- Điểm thi KTHP thực tập là điểm thi lâm sàng. Hình thức thi KTHP được thực hiện theo Phụ lục 1 của QĐ18-ĐHKTYDDN ngày 05/1/2024. Người học phải đạt điểm thi KTHP  $\geq 5.0$  (theo thang điểm 10) mới được công nhận Đạt học phần đó.

*\*Lưu ý đối với 8.2.2, 8.2.3 và 8.2.4:*

Nếu người học vắng mặt ít nhất 01 bài/buổi thực hành/thực tập mà không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm F ở học phần đó. Trường hợp có lý do chính đáng, giảng viên xem xét quyết định cho người học được học bù bài học thực hành/thực tập và bố trí học cùng với các đối tượng khác có nội dung học thực hành/thực tập trùng với nội dung thực hành/thực tập mà người học vắng mặt. Trường hợp không có lớp thực hành tại Trường có nội dung phù hợp, khoa/bộ môn xem xét bố trí cho người học được học bù bài thực hành và người học phải tự túc kinh phí mua mẫu vật, phương tiện phục vụ để làm lại bài thực hành. Đối với thực tập tại bệnh viện/thực tập cộng đồng, trong trường hợp không có điều kiện phù hợp để thực tập bù, người học phải đợi để thực tập bù trong đợt thực tập kế tiếp theo kế hoạch dạy học của Nhà trường.

- Các công thức tại mục 8.2.2, 8.2.3 và 8.2.4 được vận dụng để đánh giá đối với học phần thực tế tốt nghiệp tùy thuộc vào đặc thù của các chương trình đào tạo.

## II. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Cấu trúc kiến thức toàn khóa

#### 1.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 135 tín chỉ (TC), chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất (3 TC) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 TC).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

#### 1.2. Phân bố khối lượng học tập các khối kiến thức

TT	Khối lượng học tập	TC
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu</b> (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh), trong đó:	
	- Các môn chung	17
	- Các môn cơ sở khối ngành	14
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó:</b>	
	- Kiến thức cơ sở ngành	18
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	44
	- Kiến thức bổ trợ (Tự chọn)	35
	- Dự án học thuật	2
	- Học phần tốt nghiệp	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>135</b>

### 2. Thực hành tại trường, thực tập bệnh viện, thực tập tại cộng đồng

#### 2.1. Thực tập tại trường

Tổ chức cho sinh viên thực tập tại các phòng thực tập của Khoa. Sinh viên được thực tập theo tổ, mỗi tổ khoảng 20-25 SV đối với thực tập các học phần không chuyên ngành và 15-20 SV đối với thực tập các học phần chuyên ngành. Việc thực tập được sắp xếp phù hợp với nội dung của từng học phần, được Nhà trường/Khoa/Bộ môn kiểm tra, giám sát trong quá trình giảng dạy để đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo.

#### 2.2. Thực hành lâm sàng

Sinh viên được thực hành tại khoa Phục hồi chức năng bệnh viện dưới sự quản lý, hướng dẫn và đánh giá của cán bộ giảng viên Nhà trường và các giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở y tế được công nhận là cơ sở thực hành của Nhà trường.

#### 2.3. Thực tập cộng đồng

Sinh viên được thực tập tại các trạm y tế dưới sự quản lý, hướng dẫn và đánh giá của cán bộ giảng viên Nhà trường.

### 3. Học phần tốt nghiệp

*Đối tượng:* Những SV đã hoàn thành khối lượng học tập theo quy định.

*Thời gian thực hiện:* Theo quy định, lịch trình của nhà trường và của Khoa/Bộ môn quản lý CTĐT.

*Nội dung và hình thức thực hiện:* đăng ký các học phần tốt nghiệp trong chương trình đào tạo. SV tham gia học, hoàn thành các điều kiện yêu cầu của học phần, được đánh giá hoàn thành khối lượng các học phần đã đăng ký thì được Nhà trường xét công nhận tốt nghiệp.

## **V. ĐÁNH GIÁ, CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Cập nhật chương trình đào tạo**

Định kỳ 2 – 2,5 năm, Trường Khoa /Bộ môn Phục hồi chức năng tổ chức phối hợp phòng Đào tạo, phòng ĐBCLGD và các Khoa, Bộ môn liên quan cập nhật chương trình đào tạo theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và các quy định hiện hành của Trường ĐH KT Y – Dược Đà Nẵng. Chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung được thông qua Hội đồng Khoa học – Đào tạo của nhà trường. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ trên kết quả cuộc họp, ra quyết định ban hành chương trình đào tạo được cập nhật, bổ sung.

### **2. Đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo**

Định kỳ 5 năm, Trường Khoa/Bộ môn Phục hồi chức năng phối hợp với các phòng, ban, đơn vị chức năng, và các Khoa, Bộ môn liên quan tiến hành tổ chức tự đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và các quy định hiện hành của Trường ĐH KT Y – Dược Đà Nẵng. Báo cáo tự đánh giá CTĐT và bản CTĐT đề xuất cải tiến được thông qua Hội đồng Khoa học – Đào tạo của nhà trường. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ trên kết quả cuộc họp, phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT và ra quyết định ban hành chương trình đào tạo được cải tiến sau tự đánh giá.

**HIỆU TRƯỞNG**  
*(ký, đóng dấu)*

*Phụ lục kèm theo quyết định số 354/QĐ-ĐHKTYĐĐN \_chương trình chung*